

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên hòa giải ngày 18 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn bà Mai Thị Ánh T tự nguyện rút một phần yêu cầu về việc buộc bị đơn bà Lương Thị Ngọc B tháo dỡ công trình trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ánh T, sinh năm 1954; căn cước công dân số: 0791XXXXXXXXX cấp ngày 28/6/2021; Địa chỉ: Tổ A, thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đào Thanh T1 - Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Địa chỉ: D T, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Bị đơn: Bà Lương Thị Ngọc B, sinh năm 1962; căn cước công dân số: 0561XXXXXXXXX cấp ngày 12/8/2021; Địa chỉ: A đường B, thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thụy Uyên T2, sinh năm 1996; Địa chỉ: I N, phường N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền công chứng số 2424 ngày 30/3/2022).

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Thanh B1, sinh năm 1975
- Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1978
- Ông Võ Anh T3, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền của các ông, bà B1, M, T3: Bà Mai Thị Ánh T (các Văn bản ủy quyền công chứng số 3128 ngày 04/3/2022 và số 645 ngày 03/3/2022).

- Ông Võ Thành P, sinh năm 1984; căn cước số: 0560XXXXXXXXX cấp ngày 03/07/2024; Địa chỉ: A N, phường P - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Võ Thành C, sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 0560XXXXXXXXX cấp ngày 12/8/2021.

- Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1987; Căn cước công dân số: 0561XXXXXXXXX cấp ngày 10/4/2021.

Cùng địa chỉ: A đường B, thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất điều chỉnh ranh giới giữa hai thửa đất số 97, tờ bản đồ số 04 và số 98, tờ bản đồ số 04 (tức là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cùng tọa lạc tại thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa như sau:

2.1.1 Giao cho bà Mai Thị Ánh T được toàn quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích **21,8 m²** - trong đó: 3,3 m² thuộc quy hoạch giao thông và 18,5 m² thuộc quy hoạch đất cây xanh - thuộc một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 98, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN số: 00879 QSDĐ/VH-NT cấp ngày 08/6/2004 đứng tên hộ ông Võ Hồng Q, bà Lương Thị Ngọc B; mục đích sử dụng: đất thổ cư và phần đất này được hợp vào thửa đất số 97, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN số: CH00884/22399 cấp ngày 10/12/2012, chỉnh lý thay đổi chủ sở hữu cho bà Mai Thị Ánh T ngày 13/8/2015.

2.1.2 Giao cho các ông, bà Lương Thị Ngọc B, Võ Thành C, Võ Thành P được toàn quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích **54,5 m²**, thuộc Quy hoạch đất nhóm nhà ở, thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn V, xã V - thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN số: CH00884/22399 cấp ngày 10/12/2012, chỉnh lý thay đổi chủ sở hữu cho bà Mai Thị Ánh T ngày 13/8/2015; mục đích sử dụng: đất thổ cư; hiện trạng trên phần đất nêu trên có công trình xây dựng là một phần căn nhà 02 tầng, kết cấu tường gạch, sàn bê tông, mái tôn có diện tích xây dựng là 40,9 m², diện tích sàn 81,8 m² và phần đất này được hợp vào thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 98, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại thôn V, xã V -

thành phố N (nay là phường T), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN số: 00879 QSDĐ/VH-NT cấp ngày 08/6/2004 đứng tên hộ ông Võ Hồng Q, bà Lương Thị Ngọc B.

2.1.3 Các phần diện tích đất tranh chấp 21,8m² (*diện tích đất tranh chấp với bà T*) và 54,5m² (*diện tích đất tranh chấp với ông Q và bà B*) chi tiết theo bản Sơ đồ thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Nha Trang thiết lập ngày 23/6/2025 đính kèm.

2.1.4 Các ông, bà Mai Thị Ánh T, Lương Thị Ngọc B, Võ Thành C và Võ Thành P có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp được giao và tài sản gắn liền trên đất theo quy định.

2.1.5. Các ông, bà Mai Thị Ánh T, Lương Thị Ngọc B, Võ Thị Thanh B1, Võ Thị Tuyết M, Võ Anh T3, Võ Thành C, Võ Thành P và bà Nguyễn Thị Thanh D thống nhất tài sản tranh chấp có tổng giá trị là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

2.2 Về chi phí tố tụng: Bà Mai Thị Ánh T tự nguyện chịu toàn chi phí tố tụng của vụ án là: 18.570.000 đồng (*Mười tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) và đã nộp đủ chi phí tố tụng trên.

2.3 Về án phí: Bà Mai Thị Ánh T, bà Lương Thị Ngọc B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm d Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các ông Võ Thành C, Võ Thành P mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Mai Thị Ánh T tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí của các ông Võ Thành C, Võ Thành P nên bà T phải nộp tổng cộng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực I - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm